



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQP ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 7 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 29/06/2017 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028 73035556
- Fax: (84) 028 38300702
- Website: www.phuongnam.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sản giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến ngày 31/12/2018 là 89 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 22 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|--------------|------------------------------|
| • Bà Trần Thị Kim Nhung | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Ông Lê Huy | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Ông Trần Lê Quang | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Bùi Thu Giang | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 16/04/2018 |
| • Bà Ngô Trần Nha Thy | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| | | Miễn nhiệm ngày 16/04/2018 |
| • Bà Lê Phương Mai | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Chanh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Ông Đoàn Xuân Linh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Lê Huy | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Mai Ngọc Liên | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| • Bà Lê Phương Mai | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20/09/2018 |
| • Bà Lê Phương Mai | Kế toán trưởng | Tái bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| | | Miễn nhiệm ngày 19/09/2018 |
| • Bà Ngô Trần Nha Thy | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 26/05/2017 |
| | | Miễn nhiệm ngày 16/04/2018 |
| • Bà Phạm Lan Anh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 20/09/2018 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2019



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 128/2019/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26/02/2019, từ trang 5 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên



Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 26 tháng 02 năm 2019


Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		315.883.963.606	296.409.072.447
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	84.714.544.731	92.588.709.136
1. Tiền	111		29.577.421.443	11.588.709.136
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.137.123.288	81.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.111.708.728	41.817.748.983
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	57.575.456.777	39.172.009.166
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.208.784.508	2.367.720.650
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	936.271.162	1.407.558.089
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.608.803.719)	(1.129.538.922)
IV. Hàng tồn kho	140	10	168.928.622.509	156.013.505.234
1. Hàng tồn kho	141		173.791.355.261	159.749.054.240
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.862.732.752)	(3.735.549.006)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.129.087.638	5.989.109.094
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	3.667.249.717	4.165.754.238
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	12	461.837.921	1.776.410.422
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	-	46.944.434
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57.002.423.716	47.548.130.233
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.342.369.898	22.364.818.698
1. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	22.342.369.898	22.364.818.698
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.378.667.374	4.153.044.956
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.378.667.374	4.153.044.956
- Nguyên giá	222		9.520.286.485	13.149.877.162
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.141.619.111)	(8.996.832.206)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		412.608.182	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	412.608.182	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	11.563.615.004	11.142.936.362
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		18.544.300.000	18.544.300.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.980.684.996)	(7.401.363.638)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		21.305.163.258	9.887.330.217
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	21.305.163.258	9.887.330.217
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		372.886.387.322	343.957.202.680

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		151.456.417.814	136.032.320.310
I. Nợ ngắn hạn	310		151.456.417.814	136.032.320.310
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	58.954.860.933	53.283.397.656
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	1.764.107.220	1.342.332.043
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	600.985.501	2.062.884.283
4. Phải trả người lao động	314		6.040.586.246	1.413.768.036
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	259.886.293	127.758.853
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	316.865.845	259.086.450
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	76.851.244.674	71.491.943.054
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.667.881.102	6.051.149.935
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		221.429.969.508	207.924.882.370
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	221.429.969.508	207.924.882.370
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	(71.500.000)	(71.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	103.615.017.025	88.109.929.887
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	21	1.886.452.483	1.886.452.483
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	16.000.000.000	18.000.000.000
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.000.000.000	18.000.000.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		372.886.387.322	343.957.202.680



Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư số

200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	564.030.514.024	520.472.945.730
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	10.062.817.803	5.070.795.450
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		553.967.696.221	515.402.150.280
4. Giá vốn hàng bán	11	24	415.653.836.582	389.543.917.810
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		138.313.859.639	125.858.232.470
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.636.521.864	2.452.807.799
7. Chi phí tài chính	22	26	3.844.125.072	12.439.353.602
Trong đó: Chi phí lãi vay		23	2.764.719.045	2.874.780.013
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	54.565.131.850	44.204.320.709
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	34.252.549.730	27.327.898.284
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.288.574.851	44.339.467.674
11. Thu nhập khác	31	28	103.854.985	397.520.162
12. Chi phí khác	32	29	661.484.255	155.188.514
13. Lợi nhuận khác	40		(557.629.270)	242.331.648
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.730.945.581	44.581.799.322
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	10.666.137.183	9.625.622.147
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		37.064.808.398	34.956.177.175
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	3.151	3.041
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	3.151	3.041



Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		535.986.023.787	504.446.040.088
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(491.457.631.211)	(441.003.302.942)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(23.818.494.675)	(26.942.799.933)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	18,26	(2.661.632.694)	(2.792.866.288)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	12	(10.116.256.726)	(12.205.180.569)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		14.370.170.234	11.755.890.086
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(19.737.257.088)	(19.910.892.529)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.564.921.627	13.346.887.913
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(1.044.919.091)	(1.517.836.881)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		590.909.091	1.917.727.273
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	6.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8a, 26	2.655.622.348	2.572.209.952
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.201.612.348	8.972.100.344
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	218.139.653.240	226.999.583.360
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(212.780.351.620)	(202.299.603.066)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21d	(18.000.000.000)	(16.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.640.698.380)	8.699.980.294
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(7.874.164.405)	31.018.968.551
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		92.588.709.136	61.569.740.585
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		84.714.544.731	92.588.709.136



Tổng Giám đốc

Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQĐ ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 20/06/2017 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp hai lần đối với các tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5
Máy móc, thiết bị	2,5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất và mức độ của chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - + Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - + Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa: áp dụng thuế suất 5%;
 - + Lịch: Áp dụng thuế suất 10%;
 - + Các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	82.539.972	457.146.034
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.494.881.471	11.131.563.102
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	55.137.123.288	81.000.000.000
Cộng	84.714.544.731	92.588.709.136

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh	2.979.247.261	1.679.317.810
Công ty CP Học liệu	5.486.553.093	-
Công ty CP in Bến Tre	4.563.791.444	2.480.835.060
Công ty CP in Scitech	3.643.884.760	2.053.165.141
Các đối tượng khác	40.901.980.219	32.958.691.155
Cộng	57.575.456.777	39.172.009.166

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	960.589.140	823.019.365
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư	-	44.455.001
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	450.574.807	133.764.861
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư	-	35.515.549
Công ty CP Sách- Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư	-	565.374.718
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	-	16.004.000
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư	-	23.959.269
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	451.506.928	378.657.883
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư	201.165.453	256.172.601
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư	5.486.553.093	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. HCM	Chung công ty đầu tư	31.917.096	360.318.100
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	-	16.275.433
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư	259.635.508	27.683.360
Cộng		7.841.942.025	2.681.200.140

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Vàng bạc đá quý Phú Nhuận	-	685.800.000
Nhà máy in Bộ Tổng tham mưu	643.434.000	1.277.610.400
Phải trả cho các đối tượng khác	565.350.508	404.310.250
Cộng	1.208.784.508	2.367.720.650

8. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về thuế TNCN của NLD	361.191.090	-	1.299.852.533	-
Tạm ứng	40.000.000	-	75.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	521.475.000	-	-	-
Lãi dự thu	13.605.072	-	32.705.556	-
Cộng	936.271.162	-	1.407.558.089	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	22.222.369.898	22.222.369.898
Ký quỹ, ký cược dài hạn	120.000.000	142.448.800
Cộng	<u>22.342.369.898</u>	<u>22.364.818.698</u>

(*) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam) để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HD/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh. Tổng số vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 22,5 tỷ đồng. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Theo báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành với tổng giá trị quyết toán công trình 49.383.044.219 đồng, trong đó giá trị góp của Công ty là 22.222.369.898 đồng (tương ứng tỷ lệ 45%).

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2018	01/01/2018
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán:		
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	413.546.190	298.646.381
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	383.301.294	33.140.246
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	35.395.845	16.214.556
- Từ 3 năm trở lên	776.560.390	781.537.739
Cộng	<u>1.608.803.719</u>	<u>1.129.538.922</u>

10. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	52.857.201.837	-	44.387.237.260	66.867.403
Chi phí SX, KD dở dang	15.085.094.652	-	14.164.689.870	-
Thành phẩm	42.556.194.978	1.350.709.776	40.450.274.934	2.626.816.269
Hàng hóa	63.292.863.794	3.512.022.976	60.746.852.176	1.041.865.333
Cộng	<u>173.791.355.261</u>	<u>4.862.732.752</u>	<u>159.749.054.240</u>	<u>3.735.549.006</u>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại 31/12/2018 là 4.862.732.752 đồng.

Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	1.504.880.247	1.548.251.425
Tiền thuê văn phòng	-	36.250.000
Chi phí tổ chức bán thảo, lệ phí xuất bản sách hỗ trợ	2.162.369.470	2.581.252.813
Cộng	<u>3.667.249.717</u>	<u>4.165.754.238</u>

b. Dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí tổ chức bán thảo	44.640.000	75.100.000
Chi phí bảo hiểm nhân thọ cho CBNV	7.519.266.667	8.498.466.667
Chi phí thuê kho (*)	13.741.256.591	1.313.763.550
Cộng	<u>21.305.163.258</u>	<u>9.887.330.217</u>

(*) Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty có cam kết thuê hoạt động theo Hợp đồng thuê đất số 12/HĐTĐ/SCD-2018 ngày 19/01/2018 về việc thuê 12.571,9 m² đất ở Đường D4 và N2 Lô A 5, Khu Công Nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với thời hạn thuê kể từ ngày 19/01/2018 đến ngày 16/12/2054 để thực hiện dự án “Kho sách – Giấy Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7731323272 ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số dư cuối năm	
	Số phải thu	Số phải nộp			Số phải thu	Số phải nộp
Thuế GTGT	1.776.410.422	-	2.267.085.242	952.512.741	461.837.921	-
Thuế TNDN	46.944.434	-	10.666.137.183	10.116.256.726	-	502.936.023
Thuế TNCN	-	2.062.884.283	3.013.332.543	4.978.167.348	-	98.049.478
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	<u>1.823.354.856</u>	<u>2.062.884.283</u>	<u>15.949.554.968</u>	<u>16.049.936.815</u>	<u>461.837.921</u>	<u>600.985.501</u>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	4.255.140.198	647.275.200	7.918.428.294	329.033.470	13.149.877.162
Mua sắm trong năm	-	-	625.549.521	-	625.549.521
T/lý, nhượng bán	4.255.140.198	-	-	-	4.255.140.198
Số cuối năm	-	647.275.200	8.543.977.815	329.033.470	9.520.286.485
Khấu hao					
Số đầu năm	2.831.811.248	647.275.200	5.220.025.067	297.720.691	8.996.832.206
Khấu hao trong năm	283.676.013	-	1.945.285.374	31.312.779	2.260.274.166
T/lý, nhượng bán	3.115.487.261	-	-	-	3.115.487.261
Số cuối năm	-	647.275.200	7.165.310.441	329.033.470	8.141.619.111
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.423.328.950	-	2.698.403.227	31.312.779	4.153.044.956
Số cuối năm	-	-	1.378.667.374	-	1.378.667.374

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 4.140.362.353 đồng.

Không có tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2018.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
Công trình kho Tân Phú Trung	412.608.182	-
Cộng	412.608.182	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018			01/01/2018			
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)							
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Đang hoạt động	7,50%	7,50%	770.000.000	-	770.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam	Đang hoạt động	5,52%	5,52%	6.000.000.000	659.744.996	6.000.000.000	88.903.638
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	Đang hoạt động	11,39%	11,39%	11.774.300.000	6.320.940.000	11.774.300.000	7.312.460.000
Cộng				18.544.300.000	6.980.684.996	18.544.300.000	7.401.363.638

(*) Cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định hiện không niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán. Kết quả kinh doanh năm 2018 của Công ty này có lãi và không có lỗ lũy kế tính đến thời điểm ngày 31/12/2018. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	21.114.973.124	28.429.817.300
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	7.141.789.650	3.969.041.000
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại Tp. Hồ Chí Minh	8.130.452.520	3.912.329.621
Công ty CP Giấy Phụng Vĩnh Hưng	623.952.000	5.185.184.460
Phải trả cho các đối tượng khác	21.943.693.639	11.787.025.275
Cộng	58.954.860.933	53.283.397.656

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP.HCM	Công ty đầu tư	8.130.452.520	3.912.329.621
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung công ty đầu tư	186.098.160	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	51.879.313	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	21.114.973.124	28.429.817.300
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	Chung công ty đầu tư	-	480.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	7.141.789.650	3.969.041.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	1.679.884.207	581.775.040
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	-	20.068.160
Công ty CP In Sách Giáo khoa tại Tp.HCM	Chung công ty đầu tư	619.249.486	5.242.667
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư	-	921.480.000
Cộng		38.924.326.460	38.319.753.788

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường Học Đồng Nai	1.093.883.915	33.555.763
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường Học Bà Rịa - Vũng Tàu	480.657.849	1.028.871.237
Đối tượng khác	189.565.456	279.905.043
Cộng	1.764.107.220	1.342.332.043

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí lãi vay	230.845.204	127.758.853
Chi phí thuê đất	29.041.089	-
Cộng	259.886.293	127.758.853

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
Kinh phí công đoàn	316.865.845	259.086.450
Cộng	316.865.845	259.086.450

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	71.491.943.054	218.139.653.240	212.780.351.620	76.851.244.674
Ngân hàng HSBC	47.787.830.327	147.287.600.594	155.945.593.799	39.129.837.122
Ngân hàng Standard Chartered	23.704.112.727	70.852.052.646	56.834.757.821	37.721.407.552
Cộng	71.491.943.054	218.139.653.240	212.780.351.620	76.851.244.674

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2017	100.000.000.000	(71.500.000)	68.324.290.815	1.886.452.483	7.683.577.336
Tăng trong năm	-	-	19.785.639.072	-	34.956.177.175
Giảm trong năm	-	-	-	-	24.639.754.511
Số dư tại 31/12/2017	100.000.000.000	(71.500.000)	88.109.929.887	1.886.452.483	18.000.000.000
Số dư tại 01/01/2018	100.000.000.000	(71.500.000)	88.109.929.887	1.886.452.483	18.000.000.000
Tăng trong năm	-	-	15.505.087.138	-	37.064.808.398
Giảm trong năm	-	-	-	-	39.064.808.398
Số dư tại 31/12/2018	100.000.000.000	(71.500.000)	103.615.017.025	1.886.452.483	16.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	43.390.000.000	43.390.000.000
Các cổ đông khác	56.610.000.000	56.610.000.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	18.000.000.000	7.683.577.336
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	37.064.808.398	34.956.177.175
Phân phối lợi nhuận	39.064.808.398	24.639.754.511
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	18.000.000.000	7.683.577.336
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	7.373.764.930
- Trích khen thưởng phúc lợi	-	(74.366.460)
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	384.178.866
- Chia cổ tức cho cổ đông	18.000.000.000	-
Phân phối lợi nhuận kỳ này	21.064.808.398	16.956.177.175
- Trích quỹ đầu tư phát triển	15.505.087.138	12.411.874.142
- Trích khen thưởng phúc lợi	3.706.480.840	2.796.494.174
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	1.853.240.420	1.747.808.859
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16.000.000.000	18.000.000.000

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết số 218/NQ-SED ngày 26/05/2017 của Hội đồng quản trị và được phê duyệt theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 21/NQ-SEDIDCO ngày 16/04/2018.

Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 21/NQ-SEDIDCO ngày 16/04/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	267.455.134.211	259.537.647.584
Doanh thu sách tham khảo	218.557.405.810	202.705.242.307
Doanh thu thiết bị giáo dục	1.260.032.614	1.379.923.514
Doanh thu khác (bán giấy)	74.438.502.493	54.960.132.325
Doanh thu từ hoạt động liên doanh	2.319.438.896	1.890.000.000
Cộng	<u>564.030.514.024</u>	<u>520.472.945.730</u>

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2018	Năm 2017
Hàng bán bị trả lại	10.062.817.803	5.070.795.450
Cộng	<u>10.062.817.803</u>	<u>5.070.795.450</u>

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ	183.504.273.390	179.970.655.885
Giá vốn sách tham khảo	157.057.955.671	149.240.821.606
Giá vốn thiết bị giáo dục	1.715.797.549	1.733.803.932
Giá vốn sản phẩm khác (bán giấy)	71.208.998.382	54.677.206.841
Giá vốn hoạt động liên doanh	1.039.627.844	1.489.780.735
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.127.183.746	2.431.648.811
Cộng	<u>415.653.836.582</u>	<u>389.543.917.810</u>

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi	2.544.121.864	2.360.407.799
Cổ tức, lợi nhuận được chia	92.400.000	92.400.000
Cộng	<u>2.636.521.864</u>	<u>2.452.807.799</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí lãi vay	2.764.719.045	2.874.780.013
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.500.084.669	2.163.209.951
Dự phòng tổn thất đầu tư	(420.678.642)	7.401.363.638
Cộng	3.844.125.072	12.439.353.602

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí vận chuyển	4.428.008.261	4.352.303.920
Tiền lương và các khoản trích theo lương	16.117.314.816	14.089.458.178
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	715.163.657	1.154.134.651
Chi phí phát triển thị trường	10.152.483.230	8.360.342.577
Chi phí tập huấn	7.743.214.361	5.239.351.065
Các khoản khác	15.408.947.525	11.008.730.318
Cộng	54.565.131.850	44.204.320.709

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2018	Năm 2017
Tiền lương	11.964.226.432	10.168.701.141
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.545.110.509	1.906.327.989
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	479.264.797	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.039.646.479	7.718.737.553
Các khoản khác	9.224.301.513	7.534.131.601
Cộng	34.252.549.730	27.327.898.284

28. Thu nhập khác

	Năm 2018	Năm 2017
Thu nhập khác	103.854.985	-
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	-	397.520.162
Cộng	103.854.985	397.520.162

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
Các khoản bị phạt thuế	112.740.409	155.188.514
Lỗi do thanh lý TSCĐ	548.743.846	-
Cộng	661.484.255	155.188.514

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.730.945.581	44.581.799.322
- Lợi nhuận từ hoạt động SXKD chính	46.451.134.529	44.181.580.057
- Lợi nhuận từ hoạt động liên doanh	1.279.811.052	400.219.265
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	3.404.363.772	1.642.104.675
Điều chỉnh tăng	3.496.763.772	1.734.504.675
- Chi phí không hợp lệ	3.082.300.000	1.218.444.444
- Chi phí khấu hao xe vượt quá 1,6 tỷ	301.723.363	360.871.717
- Chi phí phạt thuế	112.740.409	155.188.514
Điều chỉnh giảm	92.400.000	92.400.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	92.400.000	92.400.000
Tổng thu nhập chịu thuế	51.135.309.353	46.223.903.997
- Từ hoạt động SXKD chính	49.855.498.301	45.823.684.732
- Từ hoạt động liên doanh	1.279.811.052	400.219.265
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD chính	9.971.099.660	9.164.736.946
Thuế TNDN từ hoạt động liên doanh	255.962.210	80.043.853
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.666.137.183	9.625.622.147

Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	10.227.061.871	9.244.780.799
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	439.075.312	380.841.348

31. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.064.808.398	34.956.177.175
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(5.559.721.260)	(4.544.303.033)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	5.559.721.260	4.544.303.033
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	31.505.087.138	30.411.874.142
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	3.151	3.041

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	170.203.751.956	145.314.396.378
Chi phí nhân công	28.081.541.248	24.258.159.319
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.260.274.166	3.060.462.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	193.612.306.037	170.973.419.983
Chi phí khác bằng tiền	24.706.278.150	19.205.819.237
Cộng	418.864.151.557	362.812.257.557

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách - thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

34. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro về vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu phát sinh từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Công ty chủ yếu vay vốn ngắn hạn với lãi suất cố định. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí giấy và chi phí công in là 2 khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất. Đối với chi phí công in thì các Nhà cung cấp chính của Công ty đều thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nên giá cả ổn định, ít biến động. Đối với chi phí giấy, để đảm bảo tính ổn định giá thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

sản phẩm, Công ty thường xuyên theo dõi tính hình biến động giá và đề xuất với Ban Tổng Giám đốc để có phương án dự trữ nguyên vật liệu phù hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và các đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	Đơn vị tính: VND		
31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	58.954.860.933	-	58.954.860.933
Chi phí phải trả	259.886.293	-	259.886.293
Vay và nợ thuê tài chính	76.851.244.674	-	76.851.244.674
Phải trả khác	-	-	-
Cộng	136.065.991.900	-	136.065.991.900
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	53.283.397.656	-	53.283.397.656
Chi phí phải trả	127.758.853	-	127.758.853
Vay và nợ thuê tài chính	71.491.943.054	-	71.491.943.054
Phải trả khác	-	-	-
Cộng	124.903.099.563	-	124.903.099.563

Công ty không rủi ro thanh khoản ngắn hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.714.544.731	-	84.714.544.731
Đầu tư tài chính	-	11.563.615.004	11.563.615.004
Phải thu khách hàng	55.966.653.058	-	55.966.653.058
Phải thu khác	535.080.072	22.342.369.898	22.877.449.970
Cộng	141.216.277.861	33.905.984.902	175.122.262.763
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.588.709.136	-	92.588.709.136
Đầu tư tài chính	-	11.142.936.362	11.142.936.362
Phải thu khách hàng	38.042.470.244	-	38.042.470.244
Phải thu khác	47.205.556	22.364.818.698	22.412.024.254
Cộng	130.678.384.936	33.507.755.060	164.186.139.996

35. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Mối quan hệ	
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách- Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. HCM	Chung công ty đầu tư
Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ - Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

	Giao dịch	Năm 2018	Năm 2017
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cung ứng lịch, STK	1.252.545.454	992.215.046
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Cung ứng lịch, STK	8.000.665.162	6.810.499.223
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Cung ứng lịch, STK	10.234.143.620	11.611.582.551
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Cung ứng lịch, STK	23.568.182	69.051.637
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cung ứng lịch, STK	164.000.000	219.042.184
Công Ty CP Sách - TB Trường Học Tp. HCM	Cung ứng lịch, STK	43.452.942.220	45.768.867.613
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Cung ứng lịch, STK	11.981.971.046	15.787.726.768
Công Ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Cung ứng lịch, STK	6.026.426.537	5.816.523.069
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cung ứng lịch, STK	1.399.060.546	690.065.586
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	1.490.221.210	369.690.467
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cung ứng lịch, STK	70.978.400	203.422.255
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	224.569.682	1.006.404.591
Công ty CP Học liệu	Cung ứng lịch, STK	6.259.754.158	1.002.688.048
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cung ứng lịch, STK	750.863.893	455.344.493
Công ty CP Sách Giáo dục tại Tp.HCM	Cung ứng lịch, STK	5.624.593.710	895.508.363
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	256.352.273	200.329.545
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Cung ứng lịch, STK	67.227.274	83.454.546
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh	Cung ứng lịch, STK	144.545.455	-
Công Ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cung ứng lịch, STK	4.911.248.264	6.116.712.035
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Mua SGK, STK	32.744.361.604	37.878.013.368
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Mua SGK, STK	9.750.000	-
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh	Chi phí tổ chức bàn thảo	32.744.361.604	30.439.131.301
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Mua SGK, STK	6.713.333.556	8.118.841.066
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Mua SGK, STK	1.270.758.190	1.124.585.388
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Mua SGK, STK	9.403.645.252	8.726.461.429
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Mua SGK, STK	6.682.212.003	5.498.178.378
Công ty CP Đầu tư xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	Mua giấy, tem	-	1.920.000.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Chi phí tổ chức bàn thảo	6.377.891.022	21.304.049.678
	Mua SGK, STK	9.266.390.700	
Công ty CP Học liệu	Mua đĩa CD, sách, VPP	6.698.225.590	6.374.400.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Mua sách hỗ trợ, STK	1.137.033.776	573.906.688
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chi phí tổ chức bàn thảo	-	39.671.550
	Mua sách tham khảo	4.875.219.053	45.044.327.870
	Tiền nhuận bút, phí tác giả	1.130.031.186	1.393.847.258
Công ty CP Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Chi phí phần mềm	204.720.000	171.600.000
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	Mua SGK, STK	1.270.758.190	-
Công ty CP Sách Và Thiết bị Trường Học Tiền Giang	Mua SGK, STK	-	13.500.000
Công Ty CP Sách và Thiết bị Trường Học TP. HCM	Mua SGK, STK	4.032.185.192	14.315.653.954
Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng giám đốc			
	Tiền lương của BTGD	2.204.437.319	2.379.902.000
	Tiền thưởng của HĐQT	336.666.657	1.025.333.321
	Tiền thù lao của HĐQT	432.000.000	432.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Cam kết thuê

Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty có cam kết thuê hoạt động theo Hợp đồng thuê đất số 12/HĐTD/SCD-2018 ngày 19/01/2018 về việc thuê 12.571,9 m² đất ở Đường D4 và N2 Lô A 5, Khu Công Nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh với thời hạn thuê kể từ ngày 19/01/2018 đến ngày 16/12/2054 để thực hiện dự án “Kho sách – Giấy Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7731323272 ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Công ty đã có thông báo chốt quyền hưởng cổ tức năm 2018 vào ngày 02/01/2019. Ngày chi trả dự kiến là 14/01/2019. Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc



Lê Huy

Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương